TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ QUANG** **TỈNH HÀ TĨNH** **--------** Bản án số: 10/2021/HS-ST Ngày 31/8/2021	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ QUANG, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Tài và ông Nguyễn Xuân Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang tham gia phiên tòa:

Ông Phan Quốc Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2021/TLST - HS ngày 21 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 8 năm 2021 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Thị H (*Tên gọi khác: Không*); sinh ngày 22/12/1996 tại: Thôn ĐT, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; hiện trú quán tại: Thôn C, xã ĐL, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956; anh chị em ruột có 4 người, bị cáo là con thứ 4; Chồng tên là Nguyễn Hải N, sinh năm 1979; con có 3 đứa, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Đang bị áp dụng biện pháp "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" kể từ ngày 23/5/2021 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Thanh M – TGVPL

Thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

Người bị hại: Anh Nguyễn Mạnh H , sinh ngày 08/02/1990

Địa chỉ: Thôn C, xã ĐL, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh

Nghề nghiệp: Kinh doanh (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đình P, sinh ngày 07/6/1987

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh

Nghề nghiệp: Lao động tự do (Vắng mặt)

2. Anh Bùi Đình N, sinh ngày 12/3/1990

Địa chỉ: Thôn 3, xã ĐB, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh

Nghề nghiệp: Kinh doanh và sữa chữa điện thoại (Có mặt)

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7h30 ngày 01/5/2021, Nguyễn Thị H điều khiển xe Mô tô BKS 38N5- 2386 chở theo con gái Nguyễn Thị Hà P sinh năm 2015 đến Quán hàng bán tạp hóa và Thuốc Tây của vợ chồng anh Nguyễn Mạnh H ở thôn C xã ĐL để mua thuốc đau bụng. Đến nơi H dừng xe trước cổng và gọi; không thấy ai trả lời, H dựng xe ở cổng rồi đi vào trong quán, lúc này ở trong quán không có ai, phát hiện thấy 1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 9T màu đen để trên tủ đựng Thuốc nên đã nảy ra ý định trộm cắp. H đi vào phía trong quán lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần rồi quay trở ra chở con gái về nhà. Sau khi về nhà H chở các con (gồm: T, P, Đ) đi cùng để bán chiếc điện thoại. Đến ngã 3 chợ B (giao nhau giữa quốc lộ 281 và đường đi ra Cầu treo) thì gặp ông Nguyễn Văn Đ (Bố đẻ H) trú tại thôn ĐT xã Đ hỏi đi đâu thì H trả lời đến quán mua bán sửa chữa điện thoại thì đi cùng. Khi vào quán H đưa chiếc điện thoại ra bán thì anh Bùi Đình N (chủ quán) hỏi về nguồn gốc, nghe H trả lời là điện thoại của mình nên mua với giá 1 triệu đồng; bán xong H chở các con và cùng ông Đđi về nhà ngoại ở xã Đ.

Anh Nguyễn Mạnh H sau khi chở vợ về nhà quay lại không thấy điện thoại, nghi bị mất trộm nên đã trình báo cơ quan công an. Ngày 04/5/2021, cơ quan CSĐT công an huyện Vũ Quang triệu tập H lên làm việc và tại cơ quan điều tra H

đã khai nhận toàn bộ sự việc đồng thời giao nộp 960.000 đồng bán chiếc điện thoại còn lại chưa tiêu hết.

Chiếc điện thoại của anh Nguyễn Mạnh H bị H lấy trộm đã được cơ quan CSĐT công an huyện Vũ Quang trưng cầu giám định; tại văn bản số 04/KL – HĐĐGTS ngày 06/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vũ Quang đã xác định: Chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 9T, màu đen có số Imel 1: 8629656481683; số Imel 2: 862965056481691 giá trị là 2.833.000 đồng.

Vật chứng được thu giữ, gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 9T, màu đen có số Imel 1: 8629656481683; số Imel 2: 862965056481691 và 960.000 đồng Tiền ngân hàng nhà nước Việt nam.

Về dân sự:

- Tài sản là chiếc điện thoại đã được thu hồi và trả lại nên anh H - bị hại không yêu cầu gì thêm.

- Anh N yêu cầu bị cáo bồi thường 1 triệu đồng tiền mua điện thoại.

Tại Cáo trạng số 09/CT - VKS - VQ ngày 16/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội " *Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 BLHS 2015. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh và khung hình phạt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Nguyễn Thị H từ 06 đến 09 tháng tù, cho hướng án treo; thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng và giao bị cáo về cho địa phương quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách đồng thời nêu rõ về các quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ - HĐTP Hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo. Về phần dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo trả cho anh Bùi Đình N 960.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 960.000 đồng bị cáo đã nộp cho cơ quan Điều tra công an huyện, hiện đã được chuyển đến Chi cục THADS huyện Vũ Quang. Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho anh Bùi Đình N số tiền 960.000 đồng. Về án phí áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 miễn án phí cho bị cáo.

Căn cứ các tình tiết giảm nhẹ mà vị đại diện Viện kiểm sát đã nêu cũng như hoàn cảnh hiện tại của bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý – Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do vậy các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo và người tham gia tố tụng khác cung cấp, thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc xác định tư cách của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đúng với quy định của pháp luật; các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ nên quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng đều được đảm bảo.

[3] Việc vắng mặt anh Nguyễn Đình P – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã có lời trình bày trong hồ sơ, được công bố tại phiên tòa nên không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết của vụ án.

[4] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận khoảng 7h30 ngày 01/5/2021, đến quán Thuốc tây của gia đình anh H thuộc Thôn C, xã ĐL để mua thuốc nhưng gọi không nghe ai trả lời, thấy cửa không khóa bị cáo đã đi vào trong quán, phát hiện có chiếc điện thoại để trên nóc tủ nên đã lấy trộm; ngoài điện thoại bị cáo không lấy gì khác nữa. Lấy được điện thoại, về nhà bị cáo chở 3 đứa con cùng đi theo mục đích là bán chiếc điện thoại để lấy tiền tiêu xài, sau đó về nhà ông bà Ngoại ở xã Đ chơi. Trên đường đi đến ngã 3 Chợ B thì gặp ông Đ là bố đẻ rồi cùng ông Đ đi đến quán anh N (thuộc Thôn 3 xã ĐB) bán chiếc điện thoại trộm được với giá 1 triệu đồng. Việc bị cáo lấy trộm chiếc điện thoại ông Đ cũng không biết, khi mua điện thoại anh N có hỏi nguồn gốc nhưng bị cáo nói dối nên anh N cũng không biết đó tài tài sản trộm cắp. Số tiền bán được bị cáo đã tiêu xài hết 40.000 đồng, số còn lại ngày 04/5/2021 bị cáo đã đưa nộp tại cơ quan CSĐT công an huyện Vũ Quang.

[5] Tại phiên tòa, bị hại anh Nguyễn Mạnh H trình bày: Khoảng 8h00 ngày 01/5/2021 anh để chiếc điện thoại trên tủ đựng Thuốc tây rồi chở vợ con về nhà ở Thôn C, khoảng 30 phút sau quay lại thì không thấy; phát hiện điện thoại bị mất nên đã trình báo với cơ quan công an. Ngoài chiếc điện thoại, gia đình không bị mất tài sản gì khác nữa. Chiếc điện thoại bị mất sau đó một thời gian đã được cơ

quan CSĐT công an huyện giao trả lại; chiếc điện thoại này lúc mua giá gần 4 triệu đồng, nay Hội đồng định giá tài sản huyện xác định giá trị 2.833.000 đồng bị hại thấy cũng phù hợp. Tài sản đã được thu hồi nên về bồi thường bị hại không yêu cầu mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

[6] Đối với anh Bùi Đình N, người mua chiếc điện thoại mà bị cáo H đã trộm cắp của anh H; khi mua anh N đã có hỏi nguồn gốc nhưng bị H lừa nên đã mua. Xét trị giá chiếc điện thoại anh N đã mua không chênh lệnh mấy so với giá thị trường; hơn nữa đây là mặt hàng không bắt buộc phải có giấy tờ nên không thể buộc anh N là người tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có được và thấy việc nhận định của cơ quan CSĐT như vậy là phù hợp.

[7] Đối với ông Nguyễn Văn Đ – trên đường về đã đi cùng H đến quán mua bán điện thoại nhưng do không biết việc làm sai trái của H và việc ông đi cùng con, cháu vào quán mua bán, sữa chữa điện thoại trên đường về nhà cũng không có gì sai nên HĐXX thấy cơ quan CSĐT và Viện kiểm sát huyện xác định ông Đ chỉ là người làm chứng trong vụ án như vậy là đúng pháp luật.

[8] Căn cứ lời thú nhận của bị cáo, lời khai của bị hại, lời trình bày của người làm chứng, người liên quan; căn cứ vật chứng thu được và trị giá trị tài sản do Hội đồng định giá tài sản huyện Vũ Quang xác định. Hội đồng xét xử thấy rằng Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[9] Để xử lý thỏa đáng, lượng hình một cách chính xác, Hội đồng xét xử cần đánh giá vụ án một cách toàn diện và khách quan. Về tình tiết tăng nặng: không có; về tình tiết giảm nhẹ như sau: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i, s, khoản 1); sau khi phạm tội đã tự nguyện giao nộp tài sản chiếm đoạt; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt (khoản 2 Điều 51) của Bộ luật hình sự.

[10] Bị cáo phạm tội trong điều kiện có sự sơ hở của người bị hại, không có sự chuẩn bị trước. Với hậu quả mà bị cáo đã gây ra, xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy: Đối với bị cáo là người có địa chỉ rõ ràng, chưa có tiền án tiền sự do hoàn cảnh khó khăn túng thiếu, nhận thức hạn chế mà làm liều, hiện đang nuôi 3 con nhỏ (lớn nhất 7 tuổi, nhỏ nhất 1 tuổi), gia đình thuộc hộ cận nghèo. Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh khó khăn nhưng xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của

công dân, ảnh hưởng đến trật tự xã hội nên cần phải có biện pháp phù hợp để ra răn đe bị cáo nhưng đồng thời cũng giúp bị cáo có thời gian cải tạo và chăm sóc được con cái.

[11] Xét phân tích và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận đề nghị đó và tuyên phạt bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt, cho bị cáo được hướng án treo và ấn định thời gian thử thách tương ứng đối với bị cáo là phù hợp đồng thời cũng thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật. Do vậy việc đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý – cho bị cáo được hưởng mức hình phạt cải tạo không giam giữ là không thỏa đáng nên không được chấp nhận.

[12] Các biện pháp tư pháp:

[12.1] Đối với người bị hại: Tài sản đã nhận lại nguyên vẹn, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

[12.2] Đối với anh Bùi Đình N – Người liên quan: Đã bỏ ra 1 triệu đồng để mua chiếc điện thoại, sau khi khởi tố vụ án chiếc điện thoại đã bị cơ quan CSĐT thu giữ trả lại cho người bị hại; trong quá trình điều tra bị cáo mới trả cho anh N được 40 ngàn đồng. Tại phiên tòa anh N yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại số tiền còn thiếu 960.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của anh N là chính đáng nên buộc bị cáo phải có trách bồi thường lại cho anh N số tiền còn thiếu.

[12.3] Đối với số tiền 960.000 đồng do bị cáo tự nguyện giao nộp, hiện nay đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện Vũ Quang. Xét đó là khoản tiền của anh Bùi Đình N đã đưa cho bị cáo khi mua điện thoại; nay bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả lại nên số tiền đó sẽ được chuyển giao cho anh N để trừ vào khoản phải bồi thường là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật.

[12.4] Đối với chiếc xe Mô tô BKS 38N5 - 2386 bị cáo dùng đi lại trong quá trình phạm tội nhưng cơ quan CSĐT công an huyện Vũ Quang đã xác định chiếc xe này đứng tên chị Trần Thị Kim D; chị D là vợ của anh P và hiện nay đang lao động tại nước ngoài. Do hoàn cảnh khó khăn của em gái nên đã cho mượn để làm phương tiện đi lại; còn việc bị cáo dùng xe vào việc đi trộm cắp tài sản thì anh P không hề biết nên anh P không có lỗi. Đó là tài sản hợp pháp của vợ chồng anh P nên cơ quan CSĐT công an huyện Vũ Quang không thu giữ; thấy việc xử lý của cơ quan CSĐT trong quá trình giải quyết vụ án như vậy là đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[13] Về án phí: Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 thì khoản bồi thường bị cáo đã nộp trước khi mở phiên tòa thì không tính phần án phí dân sự; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326, bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H, phạm tội " *Trộm cắp tài sản*"

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thứ thách 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho UBND xã ĐL, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã ĐL để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho anh Bùi Đình N 960.000 (*Chín trăm sáu mươi ngàn*) đồng. Số tiền này được khấu trừ vào khoản tiền đã nộp tại cơ quan THADS huyện Vũ Quang.

Về xử lý tài sản: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS; khoản 2 Điều 47 BLHS 2015, bổ sung sửa đổi năm 2017: Chuyển giao số tiền 960.000 đồng hiện đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện Vũ Quang (*theo biên bản giao nhận hồi 15h10 ngày 20/7/2021 giữa cơ quan CSĐT công an huyện và Chi cục THADS huyện*) cho anh Bùi Đình N để thực hiện việc bồi thường.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 BLTTHS 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về án phí và Lệ phí: Miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Vũ Quang; VKSND tỉnh;
- Công an huyện Vũ Quang;
- Chi cục THADS huyện Vũ Quang;
- THA Hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HSVS-VPTA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hùng